

Số: 571/TB-THADS(kv2)

Bắc Ninh, ngày 10 tháng 04 năm 2026

THÔNG BÁO
Về việc lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản

Căn cứ khoản 2 Điều 101 Luật thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014 và được sửa đổi, bổ sung năm 2022;

Căn cứ Luật đấu giá tài sản năm 2016;

Căn cứ Bản án dân sự sơ thẩm số 51/2024/DS-ST ngày 05/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang (Nay là TAND khu vực 2, tỉnh Bắc Ninh); Bản án dân sự sơ thẩm số 125/2024/DS-ST ngày 06/11/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hoà (Nay là TAND khu vực 2, tỉnh Bắc Ninh) và Bản án dân sự phúc thẩm số 54/2025/DS-PT ngày 11/4/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang (Nay là TAND tỉnh Bắc Ninh); Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2025/DSST ngày 30/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang (Nay là TAND khu vực 2, tỉnh Bắc Ninh);

Căn cứ Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 10/QĐ-CCTHADS ngày 10/10/2024; Quyết định thi hành án chủ động số 103/QĐ-CCTHADS ngày 09/12/2024; Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 139/QĐ-CCTHADS ngày 20/5/2025 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang (Nay là Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh) và Quyết định thi hành án chủ động số 218/QĐ-THADS ngày 17/7/2025; Quyết định thi hành án chủ động số 1193/QĐ-THADS ngày 03/10/2025 và Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 10144/QĐ-THADS ngày 24/03/2026 của Trưởng Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh;

Căn cứ Quyết định về việc cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số 44/QĐ-THADS ngày 18/6/2025 của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang (Nay là Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh);

Căn cứ Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung quyết định về thi hành án số 09/QĐ-THADS ngày 12/01/2026 của Chấp hành viên Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh - Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2.

Căn cứ Chứng thư thẩm định giá số 167/2026/0177/CTTĐG ngày 26/03/2026 của Công ty cổ phần Giám định và Thẩm định giá Phương Đông.

Căn cứ Thông báo kết quả thẩm định giá tài sản số 387/TB-THADS(kv2) ngày 30/03/2026 của Chấp hành viên Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

Căn cứ Biên bản về việc giải quyết việc thi hành án ngày 09/04/2026 của Chấp hành viên Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

Do người được thi hành án và người phải thi hành án không thỏa thuận được về tổ chức bán đấu giá tài sản, vì vậy để đảm bảo việc thi hành án Chấp hành viên Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh – Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 cần lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản để ký hợp đồng dịch vụ bán đấu giá các tài sản đã kê biên sau:

1. Tên, địa chỉ của người có tài sản bán đấu giá

Tên người có tài sản đấu giá: Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh

Địa chỉ: Tổ dân phố An Phong, phường Tân Tiến, tỉnh Bắc Ninh.

2. Tên tài sản, số lượng, chất lượng tài sản đấu giá để thi hành án

* Quyền sử dụng đất diện tích 521,2 m² (trong đó có 360 m² đất ở tại đô thị và 161,2 m² đất trồng cây lâu năm. Thời hạn sử dụng: Đất ở tại đô thị: Lâu dài, đất trồng cây lâu năm: 15/10/2043), tại thửa đất số 194, tờ bản đồ số 17, địa chỉ thửa đất: Tổ dân phố Văn Tự, thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang (Nay là thôn Văn Tự, xã Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Ninh) đã được UBND huyện Hiệp Hòa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CX738457, cấp ngày 30/7/2020, cấp cho ông Lê Văn Trường, sinh năm 1977, bà Nguyễn Thị Thủy, sinh năm 1978, địa chỉ thường trú: Tổ dân phố Đông Ngàn, thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang (Nay là thôn Đông Ngàn, xã Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Ninh).

* Tài sản gắn liền trên đất kê biên gồm:

- 01 (Một) ngôi nhà ở 02 tầng phía sau thửa đất, nhà xây dựng năm 2023 có diện tích 249,4 m²/2 tầng, trần nhà đổ bê tông cốt thép, tường xây chịu lực, công trình khép kín có hệ thống điện nước đầy đủ, cửa chính, cửa các phòng làm bằng gỗ, cửa sổ làm bằng nhôm kính, nền lát gạch men, bậc cầu thang làm bằng gỗ (cầu thang không có tay vịn), bên trên trần tầng hai có mái chống nóng khung sắt lợp tôn.

+ Tầng một ngôi nhà có 01 phòng khách và 02 phòng ngủ khép kín.

+ Tầng hai ngôi nhà có 03 phòng ngủ, 01 phòng vệ sinh và 01 ban công.

(Trong đó có một phần diện tích ngôi nhà 86,4 m²/2 tầng của ông Trường, bà Thủy này xây dựng trên thửa đất số 113, tờ bản đồ số 54 của ông Lê Văn Kỳ, bà Nguyễn Thị Thanh. Phần diện tích ngôi nhà 02 tầng của ông Trường, bà Thủy xây dựng trên phần đất của ông Kỳ, bà Thanh bên trong tầng 1 là một phần phòng khách, một phần cầu thang, còn tầng 2 là một phần cầu thang và một phần của hai phòng ngủ).

- Công trình phụ nhà bếp, nhà tắm phía sau ngôi nhà 02 tầng có diện tích 37,2 m², tường xây 110, nền lát gạch men, cửa đi, cửa sổ làm bằng nhôm kính, mái khung sắt lợp tôn.

(Trong đó có một phần diện tích công trình phụ nhà bếp 15,8 m² của ông Trường, bà Thủy xây dựng trên thửa đất số 113, tờ bản đồ số 54 của ông Lê Văn Kỳ, bà Nguyễn Thị Thanh).

- Mái hiên trước ngôi nhà ở 02 tầng phía sau thửa đất có diện tích 112,7 m², nền lát gạch đỏ, cột thép tròn mái khung sắt lợp tôn.

(Trong đó có một phần diện tích mái hiên 36,8 m² của ông Trường, bà Thủy xây dựng trên thửa đất số 113, tờ bản đồ số 54 của ông Lê Văn Kỳ, bà Nguyễn Thị Thanh).

- 01 (Một) nhà ở 04 gian có diện tích 66 m², tường xây 110, cửa đi, cửa sổ làm bằng gỗ, ô thoáng nhôm kính, nền nhà lát gạch men, hiên nhà lát gạch đỏ, mái khung gỗ lợp ngói mũi.

- 01 (Một) mái hiên trước nhà 04 gian có diện tích 41,1 m², cột thép tròn mái khung sắt lợp tôn.

(Trong đó có một phần diện tích 26,7 m² mái hiên này của ông Trường, bà Thủy xây dựng trên thửa đất số 113, tờ bản đồ số 54 của ông Lê Văn Kỳ, bà Nguyễn Thị Thanh).

- 01 (Một) ngôi nhà ở 02 tầng phía giáp đường giao thông nhà xây dựng năm 2005 có diện tích 90 m²/2 tầng, tầng 01 là phòng khách, tầng 02 có hai phòng ngủ, trần nhà đổ bê tông cốt thép, tường xây 220, cửa đi, cửa sổ làm bằng gỗ, nền lát gạch men, mái chống nóng khung

sắt lợp tôn, cầu thang ốp đá, bậc cầu thang từ tầng 02 lên tầng 03 làm bằng bê tông, tay vịn cầu thang bằng gỗ (không có công trình khép kín).

- Mái hiên trước ngôi nhà 02 tầng giáp đường giao thông có diện tích 25m², mái khung sắt lợp tôn.

- Cổng đi gồm 02 trụ 45 x 45 cm, 02 cánh cổng sắt hộp diện tích 11 m².

- 01 đoạn tường bao phía giáp đường giao thông cao 40cm, tường xây 220 bên trên bán sen hoa sắt hộp diện tích 22 m².

- Sân bê tông, sân gạch đỏ phía cổng vào có diện tích 108,6 m².

- Một phần công trình phụ chăn nuôi phía giáp thửa đất anh Lê Văn Tâm, chị Nguyễn Thị Luyến, nhà làm bằng khung gỗ mái lợp ngói, tường xây 110 đã cũ có diện tích 7,6 m² (Tài sản này là của anh Lê Văn Tâm, chị Nguyễn Thị Luyến xây dựng trên phần đất của ông Trường, bà Thủy).

- Sân gạch đỏ, sân bê tông phía tiếp giáp thửa đất anh Tâm, chị Luyến có diện tích 54,1 m² (Tài sản này là của anh Lê Văn Tâm, chị Nguyễn Thị Luyến xây dựng trên phần đất của ông Trường, bà Thủy).

- 01 cây vú sữa có đường kính 4 – 5 cm (cây trồng này là của anh Lê Văn Tâm, chị Nguyễn Thị Luyến trồng trên phần đất của ông Trường, bà Thủy).

Giá khởi điểm để đưa ra bán đấu giá là: **6.517.914.000đ** (Bằng chữ: Sáu tỷ, năm trăm mười bảy triệu, chín trăm mười bốn nghìn đồng).

Chấp hành viên Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh - Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 thông báo đề các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản biết, đăng ký.

3. Tiêu chí lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản:

- Có cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá;

- Phải có phương án đấu giá khả thi, hiệu quả;

- Phải có năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản;

- Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố;

- Các tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định.

* Tiêu chí đánh giá chấm điểm tổ chức hành nghề đấu giá tài sản

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
I	Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	
1.	Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện
2.	Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện
II	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	19,0
1.	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	10,0
1.1	Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc	5,0

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện	5,0
2.	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	5,0
2.1	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	2,0
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	3,0
3.	Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp	2,0
4.	Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến	1,0
5.	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0
III	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	16,0
1.	Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4,0
1.1	Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0
1.2	Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0
2.	Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)	4,0
3.	Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá	4,0
3.1	Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật	2,0
3.2	Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá	2,0
4.	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, đùm giá, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá	4,0
IV	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	57,0
1.	Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	15,0
1.1	Dưới 20 cuộc đấu giá	12,0

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
1.2	Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá	13,0
1.3	Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá	14,0
1.4	Từ 70 cuộc đấu giá trở lên	15,0
2.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
2.1	Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)	4,0
2.2	Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành	5,0
2.3	Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành	6,0
2.4	Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên	7,0
3.	Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
3.1	Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)	4,0
3.2	Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc	5,0
3.3	Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc	6,0
3.4	Từ 50 cuộc trở lên	7,0
4.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên (Người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết quả điểm là số thập phân thì được làm tròn đến hàng phần trăm. Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) thì được tính là 1 điểm.	3,0
4.1	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm	3,0
4.2	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức: Số điểm của B = $(U \times 3)/Y$	
4.3	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên: Số điểm của C = $(V \times 3)/Y$	
5.	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy	7,0

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
	<i>chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực)</i> Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	
5.1	<i>Có thời gian hoạt động dưới 5 năm</i>	4,0
5.2	<i>Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm</i>	5,0
5.3	<i>Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm</i>	6,0
5.4	<i>Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên</i>	7,0
6.	Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	4,0
6.1	<i>01 đấu giá viên</i>	2,0
6.2	<i>Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên</i>	3,0
6.3	<i>Từ 05 đấu giá viên trở lên</i>	4,0
7.	<i>Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản)</i> Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	4,0
7.1	<i>Dưới 05 năm</i>	2,0
7.2	<i>Từ 05 năm đến dưới 10 năm</i>	3,0
7.3	<i>Từ 10 năm trở lên</i>	4,0
8.	Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	5,0
8.1	<i>Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 5 năm trở lên</i>	3,0
8.2	<i>Có từ 1 đến 3 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 5 năm trở lên</i>	4,0
8.3	<i>Có từ 4 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 5 năm trở lên</i>	5,0
9.	<i>Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước)</i>	5,0

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
	Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	
9.1	Dưới 50 triệu đồng	3,0
9.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	4,0
9.3	Từ 100 triệu đồng trở lên	5,0
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định	8,0
1.	Đã tổ chức đấu giá thành tài sản cùng loại với tài sản đưa ra đấu giá (Tài sản cùng loại được phân theo cùng một điểm quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật đấu giá tài sản được sửa đổi bổ sung theo khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản)	1,0
2.	Đã từng ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với người có tài sản đấu giá và đã tổ chức cuộc đấu giá thành theo hợp đồng đó	3,0
3.	Trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trong phạm vi tỉnh Bắc Ninh, không bao gồm trụ sở chi nhánh.	4,0
Tổng số điểm		100

(Người có tài sản chấm điểm theo Bảng tiêu chí đánh giá, chấm điểm tổ chức đấu giá tài sản trên).

4. Hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản

- Văn bản đăng ký tham gia;
- Hồ sơ năng lực;
- Và các tài liệu khác có liên quan.

5. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá:

- **Thời gian nhận hồ sơ:** Từ ngày 10/04/2026 đến hết ngày 15/04/2026 (nộp trong giờ hành chính).

- **Hình thức nộp hồ sơ:** Hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản phải nộp trực tiếp tại địa điểm nộp hồ sơ (không nhận hồ sơ đăng ký gửi qua đường bưu điện).

- **Địa điểm nộp hồ sơ:** Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 – Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh, địa chỉ: Đường Dương Quốc Cơ, tổ dân phố Dục Quang, phường Việt Yên, tỉnh Bắc Ninh (Chấp hành viên Nguyễn Văn Khởi, số điện thoại 0984826145)./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Trang TTĐT của THADS tỉnh Bắc Ninh và của Cục QLTHADS;
- Công TTĐT quốc gia về đấu giá tài sản;
- VKSND khu vực 2- Bắc Ninh;
- Lưu: VT, HSTHA.



CHẤP HÀNH VIÊN

Nguyễn Văn Khởi